

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 844/2026/DS-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Duy Minh Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Thái Thục Hiền
- Bà Nguyễn Thị Kính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 4 và ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1202/2026/QĐST-DS ngày 06/4/2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Tp . Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc T;

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Văn bản ủy quyền số 2404/2025/UQ-VPB ngày 07/11/2025;

**- Bị đơn:** Ông Ôn Quốc P; Sinh năm 1985;

Căn cước số: 075085000949; Cấp ngày: 23/6/2025; Nơi cấp: Bộ C;

Nơi cư trú: Số B đường L tỉnh 5, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Ôn Quốc P có vay vốn tại V1 theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay vốn số 325-P-5062151 giải ngân ngày 26/07/2016, cụ thể như sau:

Hạn mức thẻ : 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng).

Thời hạn vay : 60 tháng.

Lãi suất : Theo hợp đồng và quy định của VPBank từng thời kỳ

Tạm tính đến ngày 29/4/2026, ông P còn nợ V1 đối với hợp đồng trên số tiền là:

Nợ gốc: 78.178.150 đồng

Nợ lãi: 65.041.948 đồng

Tổng cộng: 143.220.098 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn, không trăm chín mươi tám đồng)

Hợp đồng cho vay số 325-P5493091 giải ngân ngày 01/12/2016, cụ thể:

Hạn mức thẻ : 90.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng).

Thời hạn vay : 60 tháng.

Lãi suất : Theo hợp đồng và quy định của VPBank từng thời kỳ

Tạm tính đến ngày 29/4/2026, ông P còn nợ V1 đối với hợp đồng trên số tiền là:

Nợ gốc: 90.811.762 đồng

Nợ lãi: 77.584.341 đồng

Tổng cộng: 168.396.103 đồng

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm linh ba đồng)

Do ông P vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, V1 khởi kiện ông P và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Ôn Quốc P phải thanh toán ngay cho V1 một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 29/4/2026 là 311.616.201 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm linh một đồng). Trong đó: Nợ gốc: 168.989.912 đồng; nợ lãi 142.626.289 đồng.

Buộc ông Ôn Quốc P phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1.

V1 xác định chỉ cho cá nhân ông Ôn Quốc P vay vốn, không liên quan đến người khác nên V1 chỉ yêu cầu cá nhân ông P có nghĩa vụ thanh toán nợ, không

yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng:

- + Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý; việc thu thập, đánh giá chứng cứ và triệu tập đương sự tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự tiến hành phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo thời hạn tố tụng theo quy định.

- Đối với các đương sự:

Nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Ôn Quốc P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo Khoản 1 Điều 228; xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định.

- Về nội dung vụ án

- + Về hiệu lực hợp đồng:

Ông Ôn Quốc P đã ký kết và nhận giải ngân tại Ngân hàng TMCP V (V1) hai hợp đồng vay vốn:

Hợp đồng số 325-P-5062151, giải ngân ngày 26/7/2016, số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng;

Hợp đồng số 325-P5493091, giải ngân ngày 01/12/2016, số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các hợp đồng nêu trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

- Về nghĩa vụ thanh toán:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, V1 đã giải ngân đủ số tiền vay. Ông Ôn Quốc P không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, vi phạm quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là hành vi vi phạm hợp đồng có cơ sở xác định rõ ràng.

- Về số tiền yêu cầu:

Tính đến ngày 29/4/2026, tổng dư nợ ông Ôn Quốc P phải thanh toán cho V1 là 311.616.201 đồng (Bằng chữ: *Ba trăm mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm linh một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 168.989.912 đồng; nợ lãi 142.626.289 đồng.

Việc tính lãi phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

- Về lãi phát sinh sau ngày xét xử:

Các hợp đồng vay có thỏa thuận cụ thể về lãi suất quá hạn và lãi chậm trả, phù hợp với các quy định pháp luật nêu trên. Yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc ông Ôn Quốc P thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2026 là 311.616.201 đồng với nợ gốc và nợ lãi như đã phân tích ở trên, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 30/4/2026 đến khi thanh toán xong.

- Buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Ôn Quốc P thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng cho vay đã ký kết. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ vay vốn giữa tổ chức tín dụng và cá nhân, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Ôn Quốc P có đăng ký thường trú tại số B L, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện thực tế không còn cư ngụ tại địa phương và không rõ nơi ở mới. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng nguyên đơn không thể xác định được. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, không tham gia phiên họp và không thực hiện việc hòa giải; phiên hòa giải không tiến hành được.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về hiệu lực hợp đồng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: ông Ôn Quốc P đã ký kết và nhận giải ngân tại V1 hai hợp đồng cho vay, cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay số 325-P-5062151, giải ngân ngày 26/7/2016: số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận và quy định của V1 từng thời kỳ. V1 đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông P theo hợp đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 325-P5493091, giải ngân ngày 01/12/2016: số tiền vay 90.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận và quy định của V1 từng thời kỳ. V1 đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông P theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng nêu trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ ràng buộc các bên.

[3.2] Về hành vi vi phạm nghĩa vụ của bị đơn:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ôn Quốc P đã không thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về số tiền nợ và căn cứ xác định:

Mặc dù Tòa án đã tạo đầy đủ điều kiện để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố và không đề nghị thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, tính đến ngày 29/4/2026, tổng số tiền ông Ôn Quốc P còn nợ V1 đối với hai hợp đồng cho vay nêu trên là 311.616.201 đồng (Bằng chữ: *Ba trăm mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm linh một đồng*). Trong đó:

+ Đối với Hợp đồng số 325-P-5062151: Dư nợ gốc 78.178.150 đồng; dư nợ lãi 65.041.948 đồng; tổng 143.220.098 đồng.

+ Đối với Hợp đồng số 325-P5493091: Dư nợ gốc 90.811.762 đồng; dư nợ lãi 77.584.341 đồng; tổng 168.396.103 đồng.

Các khoản lãi được tính phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử

Tại các hợp đồng cho vay số 325-P-5062151 và số 325-P5493091, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả và thống nhất bên vay phải tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ.

Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13 và Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do bị đơn chưa thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ, ông Ôn Quốc P phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán xong, theo đúng mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về lãi phát sinh sau ngày xét xử có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.
2. Buộc ông Ôn Quốc P (sinh năm 1985; căn cước số 075085000949; nơi cư trú: số B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2026 cho Ngân hàng TMCP V, cụ thể:

2.1. Đối với Hợp đồng cho vay số 325-P-5062151 giải ngân ngày 26/7/2016:

Dư nợ gốc 78.178.150 đồng

Dư nợ lãi 65.041.948 đồng

Tổng cộng 143.220.098 đồng

*(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi tám đồng)*

2.2. Đối với Hợp đồng cho vay số 325-P5493091 giải ngân ngày 01/12/2016:

Dư nợ gốc 90.811.762 đồng

Dư nợ lãi 77.584.341 đồng

Tổng cộng 168.396.103 đồng

*(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm linh ba đồng)*

2.3. Tổng số tiền ông Ôn Quốc P phải thanh toán theo cả hai hợp đồng:

Tổng nợ gốc 168.989.912 đồng

Tổng nợ lãi 142.626.289 đồng

Tổng cộng 311.616.201 đồng

*(Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm linh một đồng)*

3. Kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Ôn Quốc P còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 325-P-5062151 giải ngân ngày 26/07/2016 và Hợp đồng cho vay số 325-P5493091 giải ngân ngày 01/12/2016.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Ôn Quốc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 15.580.810đ (Mười lăm triệu năm trăm tám mươi nghìn tám trăm mười đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.623.064đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0040607 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lương Duy Minh Chính**



2 000020 321206

